

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2018/HSST
Ngày: 26/4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC–THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lý
2. Bà Nguyễn Thị Quý

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thanh Tùng – Cán bộ tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 72/2018/HSST ngày 23/3/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2018/QĐXXST-HS ngày 11/4/2018 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN M, sinh năm 1961 tại B; hộ khẩu thường trú: Không có; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 06/12; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Ch (chết) và bà Đỗ Thị S (chết); có vợ và 02 con; tiền án: Ngày 21/5/2013, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự, thi hành án tại trại giam Bồ Lá, tỉnh Bình Dương, chấp hành xong bản án ngày 05/09/2013; Ngày 31/7/2014, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, áp dụng khoản 1, Điều 138, điểm g, p khoản 1, Điều 46. Điểm g, khoản 1, Điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, thi hành án tại trại giam Huy Khiêm, tỉnh Bình Thuận, chấp hành xong bản án ngày 17/03/2015 (bị cáo chưa đóng án phí, chưa thi hành án dân sự); tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ 05/12/2017 đến nay (có mặt).

- Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: A ấp B, xã VB, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn M sống lang thang khu vực ngã 4 B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tìm tài sản để lấy trộm. Đến khoảng 13 giờ 05 phút, ngày 05/12/2017 M đi bộ ngang qua nhà số A Quốc lộ B, khu phố C, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện bên trong sân có để xe mô tô hiệu Honda Wave S màu đen xám biển số 18F1-022.98 của chị Nguyễn Thị Th không có người trông coi, cửa cổng không khóa nên M nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô trên. M kéo cửa cổng đi vào trong đất xe mô tô biển số 18F1-022.98 ra bên ngoài cổng đẩy đi được khoảng 05 mét thì bị anh Phan Quang Ph là bạn làm chung với chị Th phát hiện bắt được Nguyễn Văn M cùng tang vật giao công an phường H, quận T lập biên bắt người phạm tội quả tang.

Thu giữ: 01 xe mô tô hiệu Wave S, màu đen xám, biển số 18F1-022.98, số máy: JC43E1696867, số khung: BY140425.

Kết luận định giá tài sản số 512 ngày 07/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Thủ Đức kết luận: 01 xe mô tô hiệu Wave S, màu đen xám, biển số 18F1-022.98, số máy: JC43E1696867, số khung: BY140425 trị giá 8.000.000 đồng.

Vật chứng:

01 xe mô tô hiệu Wave S, màu đen xám, biển số 18F1-022.98, số máy: JC43E1696867, số khung: BY140425. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức đã trả lại tài sản cho chị Nguyễn Thị Th là chủ sở hữu.

Phản dân sự: Chị Nguyễn Thị Th đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số 89/CT-VKS-TĐ ngày 19/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm c Khoản 2 Điều 138 Bộ Luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, sau khi trình bày bản luận tội, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 cùng tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo từ đến 02 đến 03 năm tù, trách nhiệm dân sự và vật chứng đã xử lý xong đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn M thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn M đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 13 giờ 05 phút, ngày 05/12/2017, Nguyễn Văn M đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt một xe mô tô hiệu Wave S, màu đen xám, biển số 18F1-022.98, số máy: JC43E1696867, số khung: BY1404, trị giá 8.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Th tại nhà số A Quốc lộ B, khu phố C, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị bắt quả tang. Hành vi của Nguyễn Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì động cơ vụ lợi, để có tiền tiêu xài, bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại, được pháp luật bảo vệ; làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội tại địa phương, xem thường pháp luật. Bản thân bị cáo có nhân thân rất xấu đã nhiều lần bị kết án có 2 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Vì vậy cần có mức án tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra để nhằm cải tạo, giáo dục và răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên khi lượng hình cũng xem xét bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô hiệu Wave S, màu đen xám, biển số 18F1-022.98, số máy: JC43E1696867, số khung: BY140425. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức đã trả lại tài sản cho chị Nguyễn Thị Th là chủ sở hữu là đúng quy định pháp luật.

- Trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Th đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
- Áp dụng: Điểm c Khoản 2 Điều 138; điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2017.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ khi bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo, Người bị hại;
- VKS, CA, Chi cục THA Q.TĐ;
- Chi cục thuế Q.TĐ;
- PC27;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Lưu